

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 18/2024/DS - ST

Ngày: 06/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Nho Dũng

2. Ông Lê Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Từ Hồ Vân T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, Phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Như T1, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án bà Từ Hồ Vân T trình bày:

Ngày 20/6/2021, bà chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Như T1 vay 100.000.000 đồng từ số tài khoản của bà mở tại Ngân hàng TMCP Đ số 6011344400 đến số tài khoản của bà Nguyễn Thị Như T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N số tài khoản là 0121000770344, nội dung chuyển khoản là Thục mượn. Hai bên có thỏa thuận lãi suất, kể từ thời điểm vay là ngày 20/6/2021, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, hai bên thỏa thuận khi nào cần thì báo trước cho bà T1 01 tháng, đến khi cần tiền bà yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không trả. Do chỗ bạn bè thân thiết nên bà không yêu cầu bà T1 viết giấy vay tiền. Đến ngày 10/12/2022, bà T1 nhắn chốt lại số nợ qua tin nhắn: Nợ gốc 100 triệu, lãi suất 10 triệu, huệ, hụi 10 triệu, tổng

cộng 120 triệu, bà đã tiến hành lập vi bằng để làm căn cứ giải quyết tranh chấp. Bà chuyển khoản 100.000.000 đồng cho bà T1, ngân hàng đã trừ phí chuyển khoản 22.000 đồng, bà không có ý kiến gì về phí chuyển khoản này. Về tiền lãi bà T1 đã trả cho bà được bao nhiêu bà không nhớ rõ.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, trong đó gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi suất 10.000.000 đồng tính đến ngày 09/12/2022, tiền nợ huê, hụi 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 10/12/2022 đến khi xử xong vụ án.

Ngày 30/01/2024, bà rút một phần yêu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà T1 trả 10.000.000 đồng tiền huê, hụi và 10.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 09/12/2022. Thay đổi yêu cầu về tiền lãi, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 20/6/2021 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án (tạm tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 20/12/2023: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 24.900.000 \text{ đồng}$).

Ngày 03/5/2024, bà xác nhận ngày 15/3/2024, bà T1 đã chuyển khoản trả cho bà 5.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, bà rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Như T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng.

Bà thay đổi yêu cầu về tiền lãi, thời gian trả lãi: Bà yêu cầu bà T1 phải trả cho bà số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 10/12/2022 cho đến ngày 10/3/2024 là $100.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 12.450.000 \text{ đồng}$; tiền lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền nợ 95.000.000 đồng kể từ ngày 16/3/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Từ Hồ Vân T đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Như T1 Trả 10.000.000 đồng tiền nợ huê, hụi và 10.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 09/12/2022 và số tiền 5.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Như T1 trả cho bà Từ Hồ Vân T số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng, tiền lãi 12.450.000 đồng tính đến ngày 10/3/2024 và tiền lãi 10%/năm/95.000.000 đồng từ ngày 16/3/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị Như T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Từ Hồ Vân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết buộc bị đơn phải trả lại số tiền đã vay, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn điều chỉnh về số tiền nợ gốc và thời gian trả tiền lãi. Xét, việc điều chỉnh này nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền vay: Ngày 20/6/2021, nguyên đơn chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Như T1 vay 100.000.000 đồng từ số tài khoản của nguyên đơn mở tại Ngân hàng TMCP Đ số 6011344400 đến số tài khoản của bà Nguyễn Thị Như T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N số tài khoản 0121000770344, nội dung chuyển khoản là Thục mượn. Ngân hàng thương mại cổ phần N cung cấp thông tin cho Tòa án số tài khoản là 0121000770344 là của bà Nguyễn Thị Như T1. Mặt khác, tại vi bằng số 342/2023 ngày 11/8/2023 của Văn phòng T2 lập theo yêu cầu của bà Từ Hồ Vân T đã trực tiếp trích xuất dữ liệu trên điện thoại di động cá nhân của bà Từ Hồ Vân T thể hiện nội dung tin nhắn tài khoản Messenger có tên Thục Nguyễn trao đổi với bà T về việc đã chuyển khoản số tiền vay 100.000.000 đồng vào ngày 20/6/2021 và việc chốt tiền nợ vay vào ngày 10/12/2022. Do đó, có căn cứ xác định nguyên đơn cho bị đơn vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 20/6/2021, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn.

Nguyên đơn xác định ngày 15/3/2024, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 5.000.000 tiền nợ gốc còn nợ lại 95.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 95.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Như T1 đã được Tòa án Thông báo nội dung vụ án và tiến độ giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Xét: Nguyên đơn chuyển khoản cho cho bị đơn vay tiền, khi cần tiền nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng tiền nợ gốc.

[2.2] Về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 10/12/2022 cho đến ngày 10/3/2024 là $100.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 12.450.000 \text{ đồng}$; tiền lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền nợ 95.000.000 đồng kể từ ngày 16/3/2024 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự. Yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/3/2024 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng}$ (tương đương 10%/năm) $\times 15 \text{ tháng} = 12.450.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi theo quy định của pháp luật của số tiền 95.000.000 đồng từ ngày 16/3/2024 đến ngày 06/5/2024 (ngày xét xử xong vụ án) là $95.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}$ (tương đương 0.83%/ tháng) $\times 01 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 1.314.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 13.764.000 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 95.000.000 đồng + 13.764.160 đồng = 108.764.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 13.764.000 đồng

[2.4] Về việc rút yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn rút yêu cầu tiền lãi 10.000.000 đồng tính đến ngày 09/12/2022, tiền nợ huê, hụi 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

[3] Về lệ phí: Nguyên đơn phải chịu tiền lệ phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.950.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.438.000 đồng. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 180, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3 và Điều 36 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ Về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Như T1 phải trả cho bà Từ Hồ Vân T 95.000.000 đồng tiền gốc và 13.764.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 108.764.000 đồng (một trăm linh tám triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất 10.000.000 đồng tính đến ngày 09/12/2022; tiền nợ huê, hụi: 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bị đơn phải nộp 5.438.000 đồng (năm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Từ Hồ Vân T 3.187.000 đồng (ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002572 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

4. Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân

